

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1109/2025/DS-ST

Ngày: 26 tháng 9 năm 2025

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Cự;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S);

Địa chỉ trụ sở: A1-A2 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: A3 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T. D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1996 hoặc ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 (theo Giấy ủy quyền số 4086/2024/UQ-TGD ngày 18/12/2024) (ông Hoàng có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Phương L, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường L1, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, các bên tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S) trình bày:

Ngày 20/11/2018 bà Nguyễn Phương L có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), chi tiết như sau: Thẻ VS payWave Ladies First 486265-5118; Số tiền cho vay: 10.000.000 (mười triệu) đồng; mục đích cho vay: Tiêu dùng; phương thức giải ngân: Kích hoạt thẻ tín dụng số 486265-5118

của bà Nguyễn Phương L; Lãi suất trong hạn: 2,77%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Nguyễn Phương L thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.668.774 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà Nguyễn Phương L đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 31.890.750 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) sau đó không thanh toán nữa. Ngày 23/01/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tính đến ngày 06/5/2024 bà L còn nợ Ngân hàng S các khoản sau: Nợ gốc 11.829.333 đồng; nợ lãi quá hạn 7.689.200 đồng. Tổng nợ 19.518.533 đồng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Phương L trả ngay cho Ngân hàng S tổng số nợ (gốc và lãi) còn thiếu tính đến ngày 06/5/2024 là 19.518.533 đồng. Bà Nguyễn Phương L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Phương L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số nợ hiện nay bà Nguyễn Phương L phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày 26/9/2025 là 27.829.413 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 11.829.333 đồng, lãi quá hạn là 16.000.080 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Phương L còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Phương L phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 27.829.413 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 11.829.333 đồng, lãi quá hạn là 16.000.080 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Phương L còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2018. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S) khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Phương L trả tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), theo quả xác minh của Công an Phường I, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: *“Bà Nguyễn Phương L, sinh ngày 21/9/1988 có đăng ký HKTT tại địa chỉ: Số F đường L1, Phường I, Quận Z từ ngày 17/10/2019 đến nay nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, hiện đang tạm trú tại Tổ R, ấp K, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai”*. Kết quả xác minh của Công an xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thể hiện: *“Ngày 29/8/2024, Nguyễn Phương L có đến Công an xã V để khai báo nơi ở tại Tổ R, ấp K, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và xin đăng ký tạm trú. Tuy nhiên, hồ sơ pháp lý của Nguyễn Phương L không đủ điều kiện để đăng ký tạm trú. Hiện tại đương sự Nguyễn Phương L không còn sinh sống tại địa chỉ Tổ R, ấp K, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Lan bỏ đi đâu, làm gì, ở đâu, địa phương không rõ”*. Như vậy, tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại Phường I, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Phương L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 9 năm 2025); Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 26 tháng 9 năm 2025) và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho bà Nguyễn Phương L các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký kết với bà Nguyễn Phương L Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), bà L đã được kích hoạt thẻ tín dụng số 486265-5118, sau khi thẻ tín dụng được kích hoạt bà L đã thực hiện các giao dịch và cũng đã thanh toán tiền cho Ngân hàng S. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.2] Theo tóm tắt sao kê trong khoảng thời gian từ 22/11/2018 đến ngày 26/9/2025 Ngân hàng S nộp cho Tòa án có thể xác định bà Nguyễn Phương L đã bắt đầu thanh toán khoản vay từ ngày 22/12/2018; các giao dịch được thực hiện từ ngày 22/12/2018 đến 22/9/2022; lần cuối bà Nguyễn Phương L chủ động thanh toán nợ cho Ngân hàng S là ngày 22/9/2022.

[3.3] Do bà Nguyễn Phương L nhiều lần không thanh toán đúng theo thỏa thuận trong Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/01/2023, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà Nguyễn Phương L còn thiếu tại thời điểm này là 11.829.333 đồng sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất là 2.77%/ tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%, cụ thể: Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.829.333 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149% / tháng ($2.77\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại, phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Bị đơn không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản đã thanh toán; về tiền gốc, tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu được xem là bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S đối với số nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng S yêu cầu bị đơn phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về thanh toán nợ của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Phương L phải trả cho đơn nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 27.829.413 đồng (trong đó nợ gốc là 11.829.333 đồng, lãi quá hạn là 16.000.080 đồng).

Ngoài ra, phía bị đơn còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Do từ ngày 22/9/2022, bà Nguyễn Phương L đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, cần buộc bà Nguyễn Phương L thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1.1. Buộc bà Nguyễn Phương L có nghĩa vụ trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 27.829.413 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười ba) đồng, trong đó: nợ gốc là 11.829.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 16.000.080 đồng, theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Phương L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.391.471 đồng (Một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 487.964 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036400 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV3, Tp.HCM;
- Cơ quan THADS, Tp.HCM.
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Chi